

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2025/HS-ST**

Ngày: 21/7/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài

Ông Đinh Ngọc Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Đăng Định - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 165/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Ngọc Q (tên gọi khác: Q đen), sinh năm: 1985 tại Đồng Nai. Số căn cước công dân **07508501xxxx**, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi cư trú: Ấp DM, xã GT 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp DM, xã Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai). Nghề nghiệp: **Làm thuê**; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Q tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đức Th, sinh năm: 1960 và bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1961. Gia đình bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình, bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 24/6/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản (Bản án số 52/2013/HS-ST ngày 24/6/2013).

+ Ngày 30/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản (Bản án số 155/2013/HS-ST ngày 30/8/2013).

Bị cáo tự nguyện đầu thú vào ngày 21/10/2024, hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam số 01 – Công an tỉnh Đồng Nai – Có mặt.

- Bị hại: Bà Tạ Thị Ng, sinh năm: 1950, địa chỉ: Tổ x, ấp Đ, xã G, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là tổ 4, ấp Đ, xã BH, tỉnh Đồng Nai) – Có mặt.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1– Có mặt.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Ngọc Q (Q Đen), sinh năm: 1985 và Vũ Xuân S, sinh năm: 1990 là bạn bè, quen biết nhau. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/10/2024, S điện thoại rủ Q đi đến huyện Trảng Bom để cướp giật tài sản thì Q đồng ý. Q điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xám - đỏ, biển số: 60B3-377.26 chở S đi từ huyện Thống Nhất đến xã G, huyện Trảng Bom tìm tài sản để cướp giật. Đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày khi đi đến khu vực nhà thờ BM thuộc ấp Đ, xã G, huyện Trảng Bom thì S phát hiện bà Tạ Thị Ng có đeo 01 sợi dây chuyền vàng ở cổ. S nói Q “Bà ngồi sau có đeo sợi dây chuyền”. Q hiểu ý S muốn cướp giật sợi dây chuyền nên điều khiển xe đuổi theo xe mô tô biển số 60AK-119.26 của chị Nguyễn Thị Ngọc H1chở bà Ng ngồi phía sau. Đến khoảng 12 giờ 23 phút khi đi đến gần cổng nhà bà Ng tại ấp Đ, xã G, huyện Trảng Bom thì chị H1dừng lại để bà Ng xuống xe. Lúc bà Ng vừa xuống xe thì Q điều khiển xe áp sát bà Ng để S dùng tay phải giật sợi dây chuyền bà Ng đang đeo trên cổ. S chỉ giật được sợi dây còn mặt dây chuyền bị rơi xuống đất thì bà Ng tri hô “Cướp, Cướp”. Thấy vậy Q điều khiển xe tăng ga bỏ chạy về hướng huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai để tẩu thoát. Trên đường đi S đưa cho Q xem sợi dây chuyền mà S vừa giật được. Khi Q chở S đến nhà thờ NP thuộc xã Tr, huyện Thống Nhất thì S xuống xe còn Q đi về nhà. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, S gọi điện thoại cho Q nói sợi dây chuyền vừa giật được có trọng lượng là 1,4 chỉ, S đã bán sợi dây chuyền và chuyển khoản cho Q số tiền 5.500.000 đồng. Đến ngày 21/10/2024 Q đến công an xã G để đầu thú còn S bỏ trốn khỏi địa phương. Công an xã G chuyển hồ sơ vụ việc đến Công an huyện Trảng Bom giải quyết theo quy định. Quá trình điều tra Q khai nhận hành vi của mình như trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 127/KL-HĐĐGTS ngày 25/11/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom kết luận 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 2,5 chỉ S và Q cướp giật của bà Ng trị giá 21.800.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Ngọc Q và Vũ Xuân S về tội “Cướp giật tài sản” để điều tra theo quy định.

- Vật chứng vụ án:

+ Đối với sợi dây chuyền vàng S đã bán đi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

+ 01 USB chứa video vụ cướp giật chuyền theo hồ sơ vụ án.

+ Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xám - đỏ, biển số: 60B3-377.xx, 01 điện thoại Iphone 8 màu trắng của Q sử dụng đi cướp giật.

+ 01 áo caro màu đen-Xanh, 01 mũ lưỡi trai màu xám.

+ Số tiền 1.164.000 đồng do S bán dây chuyền chuyển cho Q.

Tại bản Cáo trạng số 181/CT-VKS-TB ngày 09/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố bị cáo Lê Ngọc Q về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với sợi dây chuyền vàng S đã bán đi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

+ 01 USB chứa video vụ cướp giật chuyển theo hồ sơ vụ án.

+ Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xám - đỏ, biển số: 60B3-377.xx, 01 điện thoại Iphone 8 màu trắng của Q sử dụng đi cướp giật đề nghị Tòa án tịch thu sung công.

+ 01 áo caro màu đen-Xanh, 01 mũ lưỡi trai màu xám đề nghị Tòa án tịch thu tiêu hủy.

+ Số tiền 1.164.000 đồng do S bán dây chuyền chuyển cho Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai trả lại cho bà Ng.

- Về dân sự: Bà Tạ Thị Ng yêu cầu Q và S trả lại số tiền 21.800.000 đồng. Bị cáo chưa bồi thường số tiền trên cho bà Ng.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Lê Ngọc Q mức hình phạt tù 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù.

- Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung tại Cáo trạng đã nêu và bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố; hành vi tố tụng của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị

cáo, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh và trách nhiệm hình sự:

Vào khoảng khoảng 12 giờ 23 phút ngày 19/10/2024, tại ấp Đ, xã G, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Lê Ngọc Q có hành vi sử dụng xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xám - đỏ, biển số: 60B3-377.xx cướp giật sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 2,5 chỉ của bà Tạ Thị Ng trị giá 21.800.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Ngọc Q đã phạm tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai) đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, từng 02 lần bị kết án về tội “*Cướp giật tài sản*” (đã chấp hành xong hình phạt năm 2017). Tình tiết tăng nặng: Không. Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Xử lý vật chứng:

+ Đối với sợi dây chuyền vàng S đã bán đi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã truy tìm nhưng không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

+ Lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) USB chứa video vụ cướp giật.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xám - đỏ, biển số: 60B3-377.xx; 01 (một) điện thoại Iphone 8 màu trắng của bị cáo Lê Ngọc Q do bị cáo Q sử dụng đi cướp giật.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo caro màu đen – xanh; 01 (một) mũ lưỡi trai màu xám.

+ Đối với số tiền 1.164.000 đồng do S bán dây chuyền chuyển cho Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai trả lại cho bà Ng là đúng quy định.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bà Tạ Thị Ng yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 21.800.000 đồng, nhưng do bị hại đã được nhận lại số tiền là 1.164.000 đồng nên bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục phải bồi thường số tiền còn lại là 20.636.000 đồng. Bị cáo Q đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà Ng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 ghi nhận sự tự

nguyện của bị cáo về việc bồi thường thiệt hại về tài sản kể trên. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Tạ Thị Ng số tiền còn lại là 20.636.000 đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với đối tượng tên Vũ Xuân S, sinh năm 1990, trú tại ấp Dốc Mơ 3, xã GT 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp Dốc Mơ 3, xã Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai) là đối tượng cùng bị cáo Q thực hiện hành vi cướp giật tài sản, qua xác minh hiện tại đối tượng S không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra đang thực hiện thủ tục truy nã. Do đó, tách ra tiếp tục xác minh làm rõ, có cơ sở xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Nhận định của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ theo điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc Q (tên gọi khác: Q đen) phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Lê Ngọc Q (tên gọi khác: Q đen) **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù được tính từ ngày 21 tháng 10 năm 2024.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lê Ngọc Q (tên gọi khác: Q đen) phải bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền **20.636.000 đồng** cho bà Tạ Thị Ng.

Kể từ khi bà Tạ Thị Ng có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu bị cáo Lê Ngọc Q (tên gọi khác: Q đen) chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) USB chứa video vụ cướp giật.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xám - đỏ, biển số: 60B3-377.xx, không kiểm tra được số khung, có số máy G3D4E21xxxx; 01 (một) điện thoại Iphone 8 màu trắng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo caro màu đen-xanh; 01 (một) mũ lưỡi trai màu xám.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số NK2024-172 ngày 10/6/2025)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Ngọc Q phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 1.031.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND **khuvực 3 – Đồng Nai**;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Trại tạm giam số 01 – Công an tỉnh Đồng Nai;
- Công an **xã**;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Thị Liên